

**CÔNG TY CỔ PHẦN VK VINA GROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VK VINA GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VK VINA GROUP.,JSC

Tên công ty viết tắt: VK VINA GROUP JOINT STOCK COMPANY

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108215466

**3. Ngày thành lập:** 04/04/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 10, Tòa nhà Suced, số 108 Nguyễn Hoàng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                              | 4663        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                | 4321        |
| 3.  | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                 | 4641        |
| 4.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                | 4100        |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                      | 4322        |
| 6.  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                       | 7120        |
| 7.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                  | 7730        |
| 8.  | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                              | 8110        |
| 9.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                           | 4290        |
| 10. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                       | 4329        |
| 11. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                    | 4312        |
| 12. | Phá dỡ                                                                                                                                                               | 4311        |
| 13. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                       | 1079        |
| 14. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                       | 4330        |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                      | 4659(Chính) |
| 16. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                       | 7410        |
| 17. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                             | 7020        |
| 18. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                     | 4771        |
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các mặt hàng doanh nghiệp kinh doanh | 8299        |
| 20. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                  | 4390        |
| 21. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                  | 7110        |
| 22. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                              | 3320        |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ THẮNG        | P907, Nhà E3A, Đô Thị Y/Hòa, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông | 180.000    | 1.800.000.000         | 30,000    | 013544465                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                           | Tổng số           | 180.000    | 1.800.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TRẦN DƯƠNG MINH | Số 9, Ngách 299/15, Đường Thụy Khuê, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 240.000    | 2.400.000.000         | 40,000    | 001086001087                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                           | Tổng số           | 240.000    | 2.400.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN THỊ LIÊN | Thôn Nghi Xuyên, Xã Chí Tân, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 180.000    | 1.800.000.000         | 30,000    | 145398982                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                           | Tổng số           | 180.000    | 1.800.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                           |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN DUƠNG MINH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 16/06/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001086001087

Ngày cấp: 08/04/2014

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 9, Ngách 299/15, Đường Thụy Khuê,, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 9, Ngách 299/15, Đường Thụy Khuê,, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội